

Bản án số: 407/2024/HS-PT
Ngày: 28/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 380/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn D** về tội “*Giết người*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1642/2024/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Văn D; sinh ngày 22/10/1981 tại tỉnh Bình Định; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: **Khu phố V, T, huyện T, tỉnh Bình Định**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn V** (Chết) và bà **Nguyễn Thị Đ**; Bị cáo có vợ **Trần Thị N** và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2023 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông **Hồ Thành P** – Luật sư của **Văn phòng L** – Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: **E L, thành phố Q, tỉnh Bình Định**, có mặt.

- Bị hại: **Bùi Chánh T**, sinh năm 1989; Cư trú tại: **Khu phố V, T, huyện T, tỉnh Bình Định**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/02/2023, **Nguyễn Văn D** đi nhậu về đến nhà ở **tổ A, khu phố V, TT. D, huyện T, tỉnh Bình Định** thì nhớ lại sự việc xảy ra cách đây hơn 04 năm khi gia đình ông **Bùi Chánh T1** ở cách nhà **D** khoảng 12m không cho mượn xe cộ rùa nên **D** đi qua nhà ông **T1** gây sự. **D** đến đứng trước nhà ông **T1** dùng tay đập vào cửa sắt, la lối gọi ông **T1** ra hỏi chuyện, bà **Nguyễn Thị Đ** (mẹ **D**) đi theo can ngăn, đẩy **D** về nhà nhưng không được. Khi ông **T1** và anh **Nguyễn Chánh T2** (con ông **T1**) ra mở cửa thì **D** tranh cãi lớn tiếng với hai cha con ông **T1**. Bà **Đ** tiếp tục can ngăn và đẩy **D** về nhưng **D** cũng không chịu về, khi tranh cãi **D** dùng tay đánh 01 cái trúng mặt anh **T2** thì anh **T2** chạy vào nhà lấy 01 thanh sắt (hình chữ V, dài 64,5cm, hai cạnh chữ V có kích thước bằng nhau 3,8cm) chạy ra đứng trước cửa sắt, còn **D** chạy về nhà lấy 01 cái rựa (dài 88cm, cán bằng gỗ dài 58cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, nơi rộng nhất của lưỡi 4,5cm) chạy quay lại đuổi chém ông **T1** 01 nhát nhưng không trúng, anh **T2** cầm thanh sắt chạy ra đánh nhau với **D** để giải cứu ông **T1** nhưng đánh không lại nên anh **T2** bỏ chạy về hướng nhà **D** thì bị **D** cầm cái rựa chạy đuổi theo đánh. Khi chạy gần đến trước nhà **D** thì **T2** bị té ngã xuống đường nên **D** đuổi kịp và **D** cầm cái rựa bằng hai tay đưa lên cao chém mạnh xuống 01 nhát trúng vào đỉnh đầu anh **T2**. Anh **T2** bị thương tích được đưa đến **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** cấp cứu, điều trị từ ngày 26/02/2023 đến ngày 08/3/2023 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 104/KLTTCT-PYBD ngày 22/3/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận thương tích của **Bùi Chánh T**:

1. Các kết quả chính:

Vết thương đầu vùng đỉnh gây đau đầu, không liệt, vỡ xương trán, xương đỉnh trái, tụ khí, máu dưới màng cứng vùng trán-đỉnh trái, dập xuất huyết não vùng trán trái đã phẫu thuật:

- Mở rộng vết thương thấy vỡ lún sọ ngay dưới vết thương.
- Lấy bỏ các mảnh xương sọ vỡ lún cạnh xoang tĩnh mạch dọc.
- Rách màng cứng.
- Não dập tại vùng lún sọ.
- Cầm máu mô não, vá màng cứng.
- Khâu treo màng cứng xung quanh.
- Cầm máu, đặt dẫn lưu.

Hiện tại:

- Tỉnh táo, không có dấu thần kinh khu trú.
- Sẹo vùng trán-đỉnh.
- Điện não đồ biến đổi trung bình.

2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Chánh T** tại thời điểm giám định là 46%.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSBD-P2 ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Dũng về tội: “Giết người”, quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội: “Giết người”.

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D** 08 (T3) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 585; 586, 590 BLDS.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** phải bồi thường sức khỏe bị xâm phạm cho anh **Bùi Chánh T** số tiền là 101.822.000đ, bị cáo đã bồi thường 50.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 51.822.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, bị hại **Nguyễn Chánh T2** có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại **Bùi Chánh T** giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: bị hại **Bùi Chánh T** kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng trách nhiệm dân sự nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm hình sự, chấp nhận kháng cáo trách nhiệm dân sự về số tiền mua thuốc bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị hại là trong thời hạn luật định và đảm bảo quy định tố tụng nên được xem xét theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được tranh tụng tại các phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo **Nguyễn Văn D** đã có hành vi sau khi uống rượu nhờ lại mâu thuẫn trước đây nên đến nhà ông **Bùi Chánh T1** gây sự với ông **T1** và **Bùi Chánh T**. Trong lúc hai bên xô xát, **Bùi Chánh T** bỏ chạy và té ngã xuống đường thì **D** đuổi kịp và cầm rựa chém mạnh 01 nhát vào đầu **Bùi Chánh T** làm vỡ xương trán, xương đỉnh trái, tụ máu, máu dưới màng cứng vùng trán-đỉnh trái, dập xuất huyết não vùng trán trái. Hành vi bị cáo dùng rựa là hung khí nguy hiểm chém mạnh vào đầu là vùng trọng yếu của cơ thể của anh **T** khi anh **T** đã bị ngã xuống đường là nguy hiểm đến tính mạng, có thể tước đoạt tính mạng của anh **T**. Đồng thời bị cáo vô cớ gây sự với gia đình anh **T**, cầm hung khí chém vào vùng đầu anh **T** thể hiện tính côn đồ hung hãn. Anh **T** không chết là do cấp cứu kịp thời bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 46% là ngoài ý muốn của bị cáo.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Văn D** về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn công cộng, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; gia đình có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

Tuy nhiên trong vụ án này, hành vi của bị cáo là quyết liệt, hung hãn, vô cớ dùng rựa chém nhiều nhát gây lún sọ, dập não, hậu quả gây ra thương tích cho bị hại là lớn (tỷ lệ tổn thương cơ thể là 46%) do đó mức hình phạt 8 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là nhẹ chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở.

[2.3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án, bị hại **Bùi Chánh T** yêu cầu bị cáo **D** bồi thường tổng cộng là 276.352.202 đồng. Bị cáo không đồng ý bồi thường theo số tiền này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các khoản chi phí thực tế và hợp lệ theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP của HĐTP TANDTC ngày 06/9/2022, chấp nhận các khoản sau:

- Tiền viện phí: 13.611.172đ

- Đơn thuốc bác sĩ cho sau khi ra viện: 1.171.030đ

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian nằm bệnh viện: 11 ngày x 140.000đ/ngày = 1.540.000đ

- Thu nhập bị hại bị mất trong thời gian 11 ngày nằm viện và 7 ngày sau khi ra viện (bị hại không cung cấp được chứng cứ chứng minh 1 ngày công là 2.000.000đ, do đó HĐXX căn cứ vào thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương) như sau: 18 ngày x 300.000đ/ngày = 5.400.000đ.

- Thu nhập bị giảm sút: 6 tháng x 125.000đ/ngày = 22.500.000đ.

- Chi phí cho 01 người chăm sóc: 18 ngày x 200.000đ/ngày = 3.600.000đ.

- Bồi thường tổn thất tinh thần: 30 lần mức lương cơ sở x 1.800.000đ = 54.000.000đ.

Tổng cộng: 101.822.000 đồng.

Bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 51.822.000 đồng. Không chấp nhận khoản tiền tự mua thuốc không có kê đơn của bác sĩ là 7.680.000 đồng. Tiền mổ lại bị hại được quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường sau khi mổ xong là có cơ sở.

Bị hại kháng cáo đề nghị buộc bị cáo phải tăng mức bồi thường đối với các khoản thu nhập bị hại bị mất, thu nhập bị giảm sút, chi phí người chăm sóc, bồi thường tổn thất tinh thần và tiền tự mua thuốc không có kê đơn của bác sĩ.... Tổng cộng là 276.352.202 đồng nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cụ thể, bị cáo không đồng ý bồi thường với số tiền này và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy không có thêm tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Nguyễn Chánh T2** về phần hình phạt đối với bị cáo, không chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Giết người”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 585; 586, 590 BLDS.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** phải bồi thường sức khỏe bị xâm phạm cho anh **Bùi Chánh T** số tiền là 101.822.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 51.822.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp